

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 21-8-2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Sự
2. Ông Ngô Tấn Thanh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Liên – Là Thư ký
Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 170/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/3/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Thùy T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp 1, xã H (nay là khu phố M2, thị trấn H), huyện N, tỉnh Đồng
Nai

(Chị T có mặt, anh N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Đoàn Thị Thùy T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016, đến năm 2017 thì anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H), huyện N tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 17/01/2017. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu, vợ chồng anh chị

về nhà cha mẹ ruột ở ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh An Giang để sinh sống. Tại đây, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh N không lo cho vợ con, thường xuyên đi chơi với bạn bè. Đến ngày 12 tháng 8 năm 2018 vợ chồng sống ly thân, anh N về ấp 1, xã H (nay là khu phố M2, thị trấn H), huyện N, tỉnh Đồng Nai sinh sống với cha mẹ ruột cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân N.

Về con chung: Giữa chị và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân K, sinh ngày 18/5/2017. Cháu K hiện đang sống cùng chị T. Nếu ly hôn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho chị nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo giao nộp chứng cứ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh N nhưng anh N không cung cấp lời khai và cũng không đến Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Trần Thị Hạnh, mẹ ruột và sống chung nhà với anh N tại ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2019, bà Hạnh trình bày: Anh Nguyễn Xuân N và chị Đoàn Thị Thùy T chung sống với nhau từ cuối năm 2015 và có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống, anh N và chị T có phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 01 âm lịch năm 2018 chị T và anh N không còn chung sống với nhau nữa. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn đoàn tụ cho anh chị nhưng không thành. Chị T và anh N có một con chung là cháu Nguyễn Xuân K, sinh ngày 18/5/2017, hiện cháu đang sống chung với chị T. Về tài sản chung, nợ chung của anh chị theo bà biết thì không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tư cách tố tụng, quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Đoàn Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân N cư trú tại ấp 1, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn”; nguyên đơn là chị Đoàn Thị Thùy T, bị đơn là anh Nguyễn Xuân N và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Xuân N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Xuân N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân N và chị Đoàn Thị Thùy T tự nguyện kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện N cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 17/01/2017 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu được ly hôn với anh N do cuộc sống hôn nhân giữa hai người có nhiều mâu thuẫn, xuất phát từ việc anh N thường xuyên đi chơi với bạn bè và không lo cho vợ con. Anh N và chị T đã ly thân từ tháng 2 năm 2018 cho đến nay.

Xét thấy, chị T và anh N đã không còn quan tâm, tôn trọng, chăm sóc yêu thương lẫn nhau, hôn nhân không hạnh phúc và anh chị đã có thời gian sống ly thân kéo dài mà mâu thuẫn giữa hai người không được giải quyết. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N đến Tòa án để lấy ý kiến và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh N không chấp hành mà không có lý do. Do vậy, có cơ sở xác định chị T và anh N đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: chị T và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân K, sinh ngày 18/5/2017. Cháu K dưới 36 tháng tuổi và hiện đang sống cùng chị T. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Nguyễn Xuân K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa không xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị T khai không có nên không xét.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của chị Đoàn Thị Thùy T đối với anh Nguyễn Xuân N.

Xử cho chị Đoàn Thị Thùy T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân N.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Xuân K, sinh ngày 18/5/2017 cho chị Đoàn Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời anh Nguyễn Xuân N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Xuân N được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

2. Về án phí: Chị Đoàn Thị Thùy T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000391 ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chị Đoàn Thị Thùy T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Xuân N được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Bùi Thị Thu Trang